

**CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ABC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ABC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ABC FOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108070651

**3. Ngày thành lập:** 23/11/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12A/376 đường Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                    | 4933     |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn | 5229     |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                               | 5510     |
| 4.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                        | 5610     |
| 5.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                           | 5621     |
| 6.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                 | 5630     |
| 7.  | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                               | 7729     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                         | 0163     |
| 9.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                            | 1030     |
| 10. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                 | 1104     |
| 11. | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                  | 1322     |
| 12. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                | 1629     |
| 13. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                            | 2220     |
| 14. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                               | 2750     |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                             | 5210     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá bằng đường bộ;<br>- Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá;<br>- Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;<br>- Lai dắt, cứu hộ đường bộ | 5221        |
| 17. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2599        |
| 18. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2825        |
| 19. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thủy sản;<br>- Bán buôn rau, quả;<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột                                                                                                                                                                                  | 4632(Chính) |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                                       | 4932        |
| 21. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3100        |
| 22. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4511        |
| 23. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4620        |
| 24. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4633        |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4653        |
| 26. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ Dầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4530        |
| 27. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý (trừ Dầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                                                                                                                                                                                                                                              | 4659        |
| 29. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                        | 4711        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723 |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 32. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                        | 4781 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ Đầu giá)                       | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN DUY THỤ      | Số 12A/376 đường Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.000.008.000         | 55,556    | 013475161                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN THANH DŨNG | 10 Đô Lương, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam            | 799.992.000           | 44,444    | 030082001971                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN DUY THỤ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/08/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013475161

Ngày cấp: 06/10/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12A/376 đường Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12A/376 đường Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

